TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 192/2019/DS-PT
Ngày: 29-11-2019
V/v: "Tranh chấp về bồi thường thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra trong hoạt động thi hành án và yêu cầu công khai xin lỗi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Toàn
Các thẩm phán: Ông Phạm Thành Dương
Ông Vũ Hồng Luyến

- ***Thư ký phiên tòa:***Bà Nguyễn Trần Trúc Thủy– Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Bà V ũ Thị Mỹ Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 161/2019/TLPT-DS ngày 12 tháng 9 năm 2019 về việc "Tranh chấp về bồi thường thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra trong hoạt động thi hành án và yêu cầu công khai xin lỗi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 02/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 205/2019/QĐ-PT ngày 23/10/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 416/2019/QĐ-PT ngày 13/11/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1/ Bà Trần Thị V, sinh năm 1958;

1.2/ Chị Nguyễn Thị Thúy Ng, sinh năm 1985;

1.3/ Anh Nguyễn Khánh Th, sinh năm 1987;

1.4/ Chị Nguyễn Trần Phương Ng, sinh năm 1997.

Cùng địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Hồ Thị Th, sinh năm 1949; địa chỉ: khu phố 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai (Văn bản ủy quyền ngày 15/10/2016).

***2. Bị đơn*:** Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: khu phố 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Thanh H- chức vụ: Chi cục trưởng chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Hoài Trung D- chức vụ: Phó Chi cục trưởng Chi cục thi hành án dân sự huyện T (Văn bản ủy quyền ngày 28/10/2019).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1/ Bà Lê Thị Kim Th, sinh năm 1967.

Nơi làm việc: Chi cục thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Địa chỉ: Khu hành chính huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Nơi cư trú: khu phố 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

3.2/ Bà Ngô Thị C, sinh năm 1962.

Địa chỉ:, khu phố 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

3.3/ Ngân hàng TM.

Địa chỉ trụ sở: Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Văn D, chức vụ: Phó trưởng phòng quản lý nội bộ; Địa chỉ: khu phố T, thị trấn D, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. (Văn bản ủy quyền ngày 28/3/2018).

3.4/ Ông Trần Thanh H, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

3.5/ Ông Trần Trung Nh, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số 90/6/2 khu phố 3, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3.6/ Ông Nguyễn Đình Th, sinh năm 1979.

Nơi làm việc: Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Đồng Nai.

5. Người kháng cáo: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Hồ Thị Th.

- Bị đơn Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Kim Th.

(Bà V , bà Th, ông D, bà Th2 có mặt; các đương sự khác vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo án sơ thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị V, chị Nguyễn Thị Thúy Ng, anh Nguyễn Khánh Th, chị Nguyễn Trần Phương Ng có bà Hồ Thị Th đại diện theo ủy quyền trình bày:

Theo bản án dân sự sơ thẩm số 146/2006/VA-DSST ngày 20/10/2006 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định: Buộc ông Nguyễn Đình H và bà Trần Thị V phải trả cho Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng Sông Cửu Long- chi nhánh Đồng Nai số tiền 160.743.600 đồng và lãi suất thi hành án. Tài sản nhà và đất tại thửa số 17, tờ bản đồ số 41 thị trấn T, huyện T được đảm bảo thi hành án nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng. Buộc ông Hvà bà V phải nộp 7.429.744 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Theo bản án dân sự sơ thẩm số 101/2007/DS-ST ngày 31/5/2007 và Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số 20/2008/QĐ-PT ngày 28/4/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định: Buộc ông Nguyễn Đình Htrả cho bà Ngô Thị C số tiền 20.272.000đồng. Buộc ông Hphải nộp 1.013.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Theo quyết định thi hành án số 263/QĐ.THA ngày 05/12/2006 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T (gọi tắt là Chi cục THA) đã buộc ông Hvà bà V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng phát triển nhà Đồng bằng sông cửu long - chi nhánh Đồng Nai số tiền 160.743.600 đồng và lãi suất thi hành án. Đồng thời theo quyết định số 11/QĐ-THA ngày 01/10/2008 đã buộc ông Hvà bà V phải nộp 7.429.744 đồng án phí.

Theo quyết định thi hành án số 93/QĐ.THA ngày 05/5/2008 của Chi cục THA đã buộc những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông H(bà Trần Thị V, chị Nguyễn Thị Thúy Ng, Nguyễn Trần Phương Ng và anh Nguyễn Khánh Th) có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị C số tiền 20.272.000 đồng. Đồng thời theo quyết định số 476/QĐ-THA ngày 09/5/2008 đã buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Hphải nộp 1.013.000 đồng án phí.

Ngày 14/6/2007, Chấp hành viên bà Lê Thị Kim Th ban hành quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 19/QĐTHA về việc cưỡng chế thi hành án đối với ông Nguyễn Đình H và bà Trần Thị V. Chi cục THA đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc kê biên quyền sử dụng đất để đảm bảo thi hành án cho ông Hvà bà V . Ngày 26/6/2007 Chi cục THA tiến hành cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản trên đất nhưng ông Hvà bà V không tham gia; Tài sản kê biên gồm:

- Diện tích 479,2m^2 đất thuộc thửa số 17 tờ bản đồ số 41, thị trấn T, huyện T.

- Mái hiên 1 diện tích 25,5m^2.

- Mái hiên 2 diện tích 24,5m^2.

- 01 điện kế chính.

- Nhà chính diện tích 38,2m^2.

- Nhà bếp 1 diện tích 18m^2.

- Nhà bếp 2 diện tích 20,2m^2.

- Chuồng heo diện tích 113m^2.

- Tường rào 1 diện tích 43,4m^2.

- Tường rào 2 diện tích 34,2m^2.

- Tường rào 3 diện tích 36,75m^2.

- Nhà tắm và nhà vệ sinh diện tích 6,2m^2.

- Bể nước 6,2m^3.

- Sân xi măng diện tích 52,5m^2.

- Sân gạch 35,1m^2.

- Giếng đào 9,6m.

- Hồ chứa nước 12,2m^2.

- Cây mãng cầu, xoài, mận.

Tuy nhiên nguyên đơn cho rằng, tài sản kê biên của nguyên đơn có nhiều tài sản chưa ghi vào biên bản và nhiều tài sản ghi không đúng hiện trạng, cụ thể gồm:

- Sân xi măng diện tích 52,5m^2.

- Nhà chính có diện tích 108,8m^2.

- Chuồng heo có diện tích 173m^2 .

- Nhà tắm, nhà vệ sinh có diện tích 10,8m^2 .

- Bể nước có thể tích 9,84m^3.

- 04 Tường rào dài 115,7m.

- Sân sau lát gạch tàu 58,2m^2.

- Giếng sâu 40m.

- 02 lò nấu rượu.

- Cổng sắt diện tích 8,1m^2.

- 03 hầm ga 207,5m^3.

Ngoài ra năm 2011 nguyên đơn chi phí sửa nhà, chuồng heo 215.000.000 đồng; năm 2013 xây dựng thêm 01 gian nhà diện tích 27,2m^2 nối liền với nhà chính 85.680.000 đồng và đầu tư hệ thống nước sạch 5.000.000 đồng.

Ngày 21/12/2007 Chi cục THA và Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Đồng Nai ký hợp đồng ủy quyền bán đấu giá tài sản (lần 2) đối với tài sản đã kê biên trên. Ngày 28/02/2008, bà Phạm Hồng Y đã mua trúng đấu giá nhà và đất trên với giá 515.100.000 đồng.

Ngày 26/6/2014 Chi cục THA tổ chức tiến hành cưỡng chế giao tài sản kê biên cho bà Phạm Hồng Yến theo quy định pháp luật. Hiện nay, trên đất chỉ còn cổng sắt diện tích 8,1m^2, các tài sản khác đều không còn do bị cưỡng chế.

Đối với số tiền 515.100.000 đồng Chi cục THA đã chi cho Ngân hàng ĐB 160.743.600 đồng và tiền án phí 7.429.744 đồng; Chi các khoản chi phí kê biên tài sản 2.508.429 đồng; chi phí bán đấu giá tài sản 13.302.000 đồng; chi tiền chi phí cưỡng chế giao tài sản 36.301.100 đồng; chi tiền nộp thuế chuyển quyền sử dụng đất 8.458.000 đồng. Đồng thời Chi cục THA đã chi cho bà Ngô Thị C số tiền 20.272.000 đồng và tiền án phí 1.013.000 đồng; Tổng cộng 250.027.873 đồng. Số tiền còn lại 265.072.127 đồng, Chi cục THA đã nhiều lần thông báo gia đình bà V đến nhận nhưng bà V không đến nhận nên Chi cục THA đã gửi tiết kiệm số tiền trên tại Ngân hàng.

Ngay sau khi bà V bị kê biên tài sản ngày 26/6/2007 thì bà liên tục làm đơn khiếu nại, tố cáo Chấp hành viên và Chi cục THA từ tháng 4/2008 đến ngày 11/6/2015 Chi cục thi hành án dân sự huyện T ban hành kết luận số 01/KL-CCTHA bác toàn bộ đơn tố cáo của bà V ; bà V tiếp tục khiếu nại kết luận này và đến ngày 25/12/2015 Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai ban hành Kết luận nội dung tố cáo số 30/KL-CTHA (Gọi tắt là Kết luận 30) kết luận: đơn của bà Trần Thị V tố cáo Chi cục THA ban hành kết luận số 01/KL-CCTHA ngày 11/6/2015 không đúng quy định của pháp luật là có cơ sở. Đối với 04 nội dung bà V tố cáo chấp hành viên Lê Thị Kim Th, thì ba nội dung tố cáo không có cơ sở để chấp nhận, 01 nội dung có cơ sở chấp nhận là kê biên, phát mại tài sản lớn hơn nghĩa vụ phải thi hành án của đương sự. Sau khi nhận kết luận trên, bà V đã yêu cầu Chi cục THA bồi thường, ngày 25/7/2016 Chi cục THA ra quyết định giải quyết bồi thường số 01/BC-CCTHA nhưng bà V không đồng ý nên khởi kiện vụ án này. Do bà Lê Thị Kim Th khiếu nại Kết luận 30 nên ngày 14/11/2016 Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai ban hành văn bản số 1262/CTHA-KNTC và ngày 09/02/2017 Tổng cục thi hành án dân sự có văn bản số 450/TCTHADS-GQKNTC trả lời không chấp nhận đơn khiếu nại của bà Th2về việc khiếu nại Kết luận 30 trên. Ngày 15/4/2018 Chi cục THA đã chi trả cho nguyên đơn số tiền bán đấu giá tài sản còn lại là 265.072.127đồng và lãi của số tiền này là 319.008.973 đồng, tổng cộng là 584.081.100 đồng.

Theo đơn khởi kiện ngày 17/8/2016, nguyên đơn yêu cầu Chi cục THA bồi thường tổng số tiền 3.392.592.000 đồng và công khai xin lỗi gia đình bà V tại nơi cư

trú. Ngày 01/3/2018, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Chi cục THA bồi thường tổng số tiền 4.677.722.572 đồng và công khai xin lỗi gia đình bà V tại nơi cư trú; Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu Chi cục THA bồi thường tổng số tiền 5.690.400.000đồng và công khai xin lỗi gia đình bà V ; Đồng thời yêu cầu bị đơn hoàn trả tiền định giá tài sản 03 lần là 39.321.000 đồng và tiền chi phí thi hành án 59.000.000 đồng.

+Theo án sơ thẩm, bị đơn Chi cục thi hành án huyện T, tỉnh Đồng Nai có ông Phan Hoài Trung Dđại diên theo ủy quyền trình bày:

Chi cục THA thừa nhận Kết luận 30 và Văn bản số 450/TCTHADS-GQKNTC của Tổng cục thi hành án dân sự là phù hợp với pháp luật. Vì vậy, Chi cục THA đồng ý bồi thường tiền thuê nhà cho bà V từ tháng 6/2014 đến tháng 10/2018 (52 tháng) là 234.00.000 đồng, các yêu cầu khác của nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Đồng thời yêu cầu Tòa án khấu trừ số tiền Chi cục THA đã bồi thường là 584.081.100 đồng. Chi cục THA chỉ đồng ý hoàn trả số tiền thẩm định giá tài sản lần 1 là 10.000.000 đồng.

+ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh H, ông Nguyễn Đình Th, ông Trần Trung Nh trình bày:

Thời điểm năm 2006, ông Trần Trung Nh là Chi cục trưởng chi cục thi hành án dân sự huyện T nên đã phân công cho chấp hành viên Lê Thị Kim Th thi hành quyết định thi hành án số 263/QĐ-THA ngày 05/12/2006 của Chi cục THA. Ông Trần Thanh H là cán bộ giúp việc cho bà Th2nên ngày 14/6/2007, chấp hành viên (bà Thoa) đã ban hành quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 19/QĐTHA về việc cưỡng chế thi hành án đối với ông Nguyễn Đình Hvà bà Trần Thị V. Đến ngày 26/6/2007 do bà Th2không thể tham gia kê biên tài sản trên nên nhờ ông Trần Trung Nh tham gia kê biên tài sản trên giúp bà Thoa. Sau khi kê biên tài sản thì bà Th2bị khiếu nại, tố cáo nên lãnh đạo Chi cục THA phân công cho chấp hành viên Nguyễn Đình Th thực hiện việc cưỡng chế giao tài sản cho người mua trúng đấu giá để tránh việc khiếu nại.

+ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Kim Th trình bày:

Bà không đồng ý Kết luận nội dung tố cáo số 30/KL-CTHA ngày 25/12/2015 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai và bà cũng không có lỗi trong vụ án này nên đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

+ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TM và bà Ngô Thị C trình bày:

Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 02 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai tuyên xử:

- Áp dụng các Điều 26; Điều 165; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 6;Điều 22; Điều 23; Điều 38; Điều 40; Điều 41; Điều 44; Điều 45; Điều 46 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị V, chị Nguyễn Thị Thúy Ng, anh Nguyễn Khánh Th và chị Nguyễn Trần Phương Ng đối với Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Nai về việc "Tranh chấp về bồi thường thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra trong hoạt động thi hành án".

2. Buộc Chi cục thi hành án dân sự huyện T có nghĩa vụ bồi thường cho bà Trần Thị V, chị Nguyễn Thị Thúy Ng, Nguyễn Trần Phương Ng và anh Nguyễn Khánh Th số tiền: 1.859.838.000 đồng (Một tỷ tám trăm năm mươi chín triệu tám trăm ba mươi tám nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

+ Ngày 03/7/2019 nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, lý do không đảm bảo quyền lợi của nguyên đơn do phía bị đơn gây ra.

+ Ngày 16/7/2019 bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do:

- Cấp sơ thẩm áp dụng chứng thư thẩm định giá số 157/CT-TĐG.SVA ngày 09/10/2017 do Công ty cổ phần TĐG Sao Việt để làm căn cứ xét xử là không có cơ sở vì chứng thư có giá trị pháp lý 06 tháng.

- Yêu cầu xem xét lại các khoản bồi thường, xem xét lỗi của các bên cho phù hợp thực tế.

+ Ngày 16/7/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ lên quan bà Lê Thị Kim Th kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị hủy bản án sơ thẩm với lý do:

- Nguyên đơn yêu cầu 02 nội dung: Bồi thường thiệt hại và yêu cầu xin lỗi công khai nhưng cấp sơ thẩm tuyên án chỉ giải quyết phần bồi thường không tuyên phần bác yêu cầu xin lỗi công khai là vi phạm thủ tục tố tụng.

- Cấp sơ thẩm áp dụng chứng thư thẩm định giá số 157/CT-TĐG.SVA ngày 09/10/2017 do Công ty cổ phần TĐG Sao Việt để làm căn cứ xét xử là không có cơ sở vì chứng thư chỉ có giá trị pháp lý 06 tháng.

- Cấp sơ thẩm căn cứ lời khai người thân của nguyên đơn để làm căn cứ giải quyết buộc thanh toán tiền thuê nhà trọ, nhà nghỉ là không phù hợp.

- Cấp sơ thẩm không trừ số tiền 584.081.000 đồng đã chi trả cho bà V sau khi chi trả thi hành án còn lại vào số tiền phải bồi thường là không phù hợp.

- Xem xét lại các khoản bồi thường thường khác cho hợp lý.

Tại phiên tòa, các người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án. Không đương sự nào cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

- Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan làm đơn kháng cáo trong hạn luật định nên được xem xét.

- Về đường lối giải quyết:

Cấp sơ thẩm đã bỏ sót quan hệ pháp luật, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩmchấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị V, chị Nguyễn Thị Thúy Ng, anh Nguyễn Khánh Th, chị Nguyễn Trần Phương Ng; Bị đơn Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Nai; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Kim Th. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 02 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan làm trong thời hạn và đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà C, Ngân hàng TM, ông Hải, ông Nh, ông Th có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự mở phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự.

Đối với nội dung kháng cáo của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện ngày 17/8/2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 01/3/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn yêu cầu Chi cục thi hành án Trảng Bom bồi thường tổng số tiền 5.690.400.000 đồng, công khai xin lỗi gia đình bà V tại nơi cư trú. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật "Yêu cầu bồi thường thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra trong hoạt động thi hành án" là thiếu sót yêu cầu "Công khai xin lỗi" theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, từ đó phần nhận định cấp sơ thẩm có nhận định không chấp nhận yêu cầu công khai xin lỗi của nguyên đơn nhưng phần Quyết định không tuyên phần này là vi phạm thủ

tục tố tụng, bỏ sót quan hệ pháp luật theo quy định tại Điều 26, 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về thủ tục tố tụng tại cấp sơ thẩm:

- Theo đơn khởi kiện ngày 17/8/2016 nguyên đơn yêu cầu bồi thường tổng số tiền 3.392.592.000 đồng; Ngày 01/3/2018 có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu bồi thường 4.677.722.572 đồng (BL 493) nhưng cấp sơ thẩm không ra thông báo thụ lý yêu cầu khởi kiện bổ sung là vi phạm Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn có đơn đề ngày 01/7/2019 yêu cầu bồi thường 5.690.400.000 đồng (BL 1302) là sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện sau khi đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm lại chấp nhận xem xét, giải quyết buộc bồi thường là vi phạm thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn tại điểm 7, mục IV giải đáp số 01/2017/GĐ - TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao.

[5] Về thu thập và đánh giá chứng cứ:

- Ngày 06/9/2017 nguyên đơn có đơn yêu cầu thẩm định giá tài sản, ngày 21/9/2017 cấp sơ thẩm tiến hành thẩm định giá tài sản (BL 848), ngày 09/10/2017 Công ty cổ phần TĐG Sao Việt ban hành chứng thư thẩm định giá số 157/CT-TĐG.SVA (860). Đến ngày 02/7/2019 cấp sơ thẩm mở phiên tòa xét xử sơ thẩm và sử dụng chứng thư thẩm định giá số 157/CT-TĐG.SVA ngày 09/10/2017 làm căn cứ để xem xét giải quyết buộc bồi thường là không phù hợp, lẽ ra trước khi xét xử, cấp sơ thẩm phải mời các đương sự để làm việc xem họ có đồng ý sử dụng chứng thư thẩm định giá trên để làm căn cứ giải quyết vụ án hay không, để có hướng xử lý cho phù hợp mới đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

- Đối với khoản thiệt hại do thuê nhà từ tháng 7/2014 đến tháng 10/2018: Theo bản án sơ thẩm ghi nhận sự thỏa thuận Chi cục THA bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn do phải thuê nhà từ tháng 7/2014 đến tháng 10/2018 là 4.500.000đ/tháng x 52 tháng = 234.000.000 đồng. Tại đơn kháng cáo ngày 16/7/2019 và tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn xác định cấp sơ thẩm ghi nhận thỏa thuận là chưa đúng ý kiến của bị đơn, bị đơn đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Qua chứng cứ tại hồ sơ thể hiện, cấp sơ thẩm xác minh chị Phạm Thị Th, sinh năm 1963; Địa chỉ: số 155, đường 3/2, khu phố 5, thị trấn Trảng Bom ngày 22/02/2019 (BL 1021) và xác minh ông Hồ Văn Thái, sinh năm 1946; Địa chỉ: số 31, Nguyễn Sơn Hà, khu phố 5, thị trấn T, huyện T ngày 22/02/2019 (BL 1022) để làm cơ sở xem xét bồi thường khoản thiệt hại do thuê nhà từ tháng 7/2014 đến tháng 10/2018 của nguyên đơn. Theo đơn kháng cáo và tại phiên tòa bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng cấp sơ thẩm xác minh người thân của nguyên đơn để làm căn cứ buộc bồi thường là không phù hợp. Xét thấy, tại phiên tòa phúc

thẩm đại diện nguyên đơn thừa nhận ông Thái là anh chồng của nguyên đơn bà V và là anh ruột bà Th là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn còn chị Th không có quan hệ bà con, thân thuộc gì.

Cấp sơ thẩm căn cứ vào lời khai người thân của nguyên đơn để làm căn cứ buộc bồi thường là chưa phù hợp, lẽ ra ngoài việc lấy lời khai chị Thúy và ông Thái là người cho bà V và các con bà V thuê nhà, cấp sơ thẩm cần phải xác minh thêm với một số hộ gần khu vực trên có kinh doanh cho thuê nhà trọ mới có đủ cơ sở và đủ căn cứ xem xét bồi thường thiệt hại phần này.Vì vậy phần này cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ đầy đủ để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án một cách chính xác.

- Ngoài ra, cấp sơ thẩm xác định tổng giá trị tài sản vào thời điểm xét xử để làm cơ sở tính phần thiệt hại và buộc bị đơn phải có trách nhiệm bồi thường cho nguyên đơn là có căn cứ, tuy nhiên cách tính thiệt hại là chưa đúng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Từ những phân tích trên, cho thấy cấp sơ thẩm đã bỏ sót quan hệ pháp luật, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án chính xác, những vi phạm của Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Vì vậy, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung. Do bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng phải hủy toàn bộ nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu kháng cáo của các đương sự về nội dung tranh chấp.

[6] Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: Do bản án sơ thẩm bị hủy nên chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm sẽ được quyết định khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị V, chị Nguyễn Thị Thúy Ng, anh Nguyễn Khánh Th, chị Nguyễn Trần Phương Ng; Bị đơn Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Nai; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Kim Th.

Tuyên xử:

[1] Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 02 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về chi phí tố tụng và án phí: Chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm sẽ được quyết định khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho nguyên đơn bà Trần Thị V, chị Nguyễn Thị Thúy Ng, anh Nguyễn Khánh Th, chị Nguyễn Trần Phương Ng số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006892 ngày 12/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T; Bị đơn Chi cục thi hành án dân sự huyện T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006904 ngày 17/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T; Bà Lê Thị Kim Th số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006903 ngày 17/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Nai.

[3] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp huyện;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Đương sự trong vụ án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Toàn

Nơi nhận:

- TAND cấp huyện;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Đương sự trong vụ án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Toàn